

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	GVHD	GVPB	ĐIỂM CỦA CÁC THÀNH VIÊN						TỔNG KẾT		GHI CHÚ
					25	25	CT	TK	UV1	UV2	UV3	50	SỐ	CHỮ	
1	162233436	Thái Thị	Anh	K16KTR2	8.5	8.5	8.0	7.5	7.5	7.0	6.5	7.3	7.9	Bảy phẩy Chín	
2	152232988	Nguyễn Xuân	Cường	K15KTR	7.9	7.5	6.0	6.5	6.0	5.5	5.3	5.9	6.8	Sáu phẩy Tám	
3	162233437	Nguyễn Công	Anh	K16KTR1	7.9	9.3	7.5	7.5	7.5	7.5	7.5	7.5	8.1	Tám phẩy Một	
4	162233439	Nguyễn Đức	Anh	K16KTR3	7.2	5.8	6.0	5.5	6.0	6.0	5.0	5.7	6.1	Sáu phẩy Một	
5	162233446	Phạm Văn	Chất	K16KTR2	8.5	7.6	7.5	7.5	8.0	6.5	8.0	7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
6	162233453	Đỗ Mạnh	Cường	K16KTR4	8.5	7.3	8.0	8.5	8.5	8.0	8.5	8.3	8.1	Tám phẩy Một	
7	152232884	Nguyễn Công	Cường	K16KTR4	9.3	8.4	7.5	8.0	7.5	6.5	8.0	7.5	8.2	Tám phẩy Hai	
8	162233461	Nguyễn Văn	Đạt	K16KTR1	9.3	7.0	7.5	7.5	7.5	7.0	8.0	7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
9	152232862	Ngô Đăng	Điện	K15KTR2	7.0	7.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.5	7.0	7.0	Bảy	
10	162233464	Võ Viết	Đức	K16KTR1	8.0	6.5	7.5	7.0	7.5	7.0	6.0	7.0	7.1	Bảy phẩy Một	
11	162233467	Thái Viết	Duy	K16KTR1	9.3	9.1	8.0	8.5	8.5	7.0	7.8	8.0	8.6	Tám phẩy Sáu	
12	162233469	Ngô Thị Kiều	Giang	K16KTR2	8.0	8.5	8.5	8.5	8.5	8.5	8.5	8.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
13	162233471	Phạm Xuân	Hà	K16KTR1	9.5	7.9	9.0	9.3	9.2	8.5	9.3	9.1	8.9	Tám phẩy Chín	
14	162233475	Đỗ Văn	Hải	K16KTR3	8.8	7.5	8.0	9.3	9.0	9.0	9.4	8.9	8.5	Tám phẩy Năm	
15	162233474	Phạm Thanh	Hải	K16KTR3	8.0	7.3	7.8	7.2	7.0	6.0	6.5	6.9	7.3	Bảy phẩy Ba	
16	162233476	Phan Quốc	Hân	K16KTR4	8.6	8.0	8.0	8.3	8.5	7.3	8.8	8.2	8.3	Tám phẩy Ba	
17	162233488	Ngô Văn	Hiếu	K16KTR4	7.5	7.4	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
18	152232960	Nguyễn Minh	Hoàng	K16KTR1	8.5	7.8	5.5	6.0	6.0	5.5	5.4	5.7	6.9	Sáu phẩy Chín	
19	152232923	Văn Phú	Huy	k15KTR2	9.2	8.5	7.5	8.0	8.0	7.0	8.8	7.9	8.4	Tám phẩy Bốn	
20	162233512	Phạm Thị	Huyền	K16KTR2	9.0	7.0	6.5	7.5	7.5	7.0	7.5	7.2	7.6	Bảy phẩy Sáu	
21	162233515	Nguyễn Đình	Khoa	K16KTR2	9.5	8.0	8.0	7.8	8.5	8.0	8.0	8.1	8.4	Tám phẩy Bốn	
22	152233063	Nguyễn Thành	Minh	K15KTR3	8.6	7.5	6.0	7.0	7.5	6.5	5.5	6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
23	162233546	Nguyễn Phước	Nghĩa	K16KTR3	8.9	7.0	8.0	7.0	8.0	7.0	8.3	7.7	7.8	Bảy phẩy Tám	
24	162233555	Trần Thị Mỹ	Nhi	K16KTR1	7.2	6.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
25	162236915	Lê Thế	Phương	K16KTR2	8.0	7.7	7.5	7.0	7.0	6.0	7.5	7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
26	162233565	Nguyễn Ngọc Nhất	Phương	K16KTR3	9.5	8.2	8.0	8.0	8.0	7.5	8.4	8.0	8.4	Tám phẩy Bốn	
27	162233577	Đặng Văn	Tân	K16KTR1	9.3	8.4	8.0	8.5	8.5	8.0	8.2	8.2	8.5	Tám phẩy Năm	
28	162236643	Trần Thanh	Tĩnh	K16KTR3	8.0	8.6	7.5	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	8.0	Tám	
29	162233465	Hoàng Quốc	Dũng	K16KTR2	6.8	7.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
30	162233533	Nguyễn Thị Hương	Luy	K16KTR2	9.0	7.5	7.5	7.8	7.0	8.0	7.2	7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
31	162233610	Nguyễn Tài	Tiến	K16KTR2	8.6	7.9	7.3	7.8	8.1	7.0	7.0	7.4	7.8	Bảy phẩy Tám	
32	162233442	Nguyễn Lê Duy	Bảo	K16KTR1	8.3	8.2	7.0	7.2	7.9	8.0	7.8	7.6	7.9	Bảy phẩy Chín	
33	162233449	Lê Thị	Chi	K16KTR1	9.2	7.0	6.3	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
34	162233457	Võ Bá	Danh	K16KTR4	7.5	5.5	6.0	6.5	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
35	162233485	Trần Minh	Hiển	K16KTR2	8.0	8.0	7.5	7.7	7.5	8.0	7.7	7.7	7.9	Bảy phẩy Chín	
36	162236639	Nguyễn Quang	Hiếu	K16KTR3	8.5	8.3	8.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.3	8.4	Tám phẩy Bốn	
37	162233487	Lê Trung	Hiếu	K16KTR2	8.5	8.2	8.5	8.7	7.3	8.0	8.4	8.2	8.3	Tám phẩy Ba	
38	162233494	Lê Ngọc	Hoàng	K16KTR2	9.0	7.5	7.2	7.4	7.7	8.0	7.2	7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH				ĐIỂM BẢO VỆ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP NGÀNH: KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH											
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GVHD	GVPB	ĐIỂM CỦA CÁC THÀNH VIÊN							TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				25	25	CT	TK	UV1	UV2	UV3	50	SỐ	CHỮ		
39	162233502	Lê Quang Hùng	K16KTR20	9.3	8.4	8.5	8.3	8.3	8.8	8.3	8.4	8.6	Tám phẩy Sáu		
40	162233516	Bùi Quang Khoa	K16KTR4	9.0	8.5	8.7	7.8	8.5	8.8	8.0	8.4	8.6	Tám phẩy Sáu		
41	162233518	Trần Phước Kỹ	K16KTR4	7.8	8.0	7.5	7.6	8.0	7.2	7.7	7.6	7.8	Bảy phẩy Tám		
42	162233522	Trần Việt Liêm	K16KTR4	6.5	6.0	5.5	6.5	6.9	6.0	6.3	6.2	6.2	Sáu phẩy Hai		
43	162233534	Hồ Thị Diễm Mi	K16KTR3	8.0	7.5	8.7	8.0	8.0	8.0	8.2	8.2	8.0	Tám		
44	152233062	Hồ Quốc Bảo	K15KTR	7.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không		
45	162233540	Hạ Thị Thanh Mỹ	K16KTR1	8.5	8.0	8.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.7	8.0	Tám		
46	162233554	Lê Thị Nhân	K16KTR3	8.5	7.6	8.0	8.3	8.3	8.0	8.5	8.2	8.1	Tám phẩy Một		
47	162233567	Hoàng Trọng Quang	K16KTR2	9.5	7.5	8.0	8.3	7.8	7.5	8.5	8.0	8.3	Tám phẩy Ba		
48	162233572	Trần Đình Quyết	K16KTR3	9.2	7.0	7.7	8.4	8.4	8.2	8.8	8.3	8.2	Tám phẩy Hai		
49	162233578	Nguyễn Minh Tân	K16KTR2	9.2	8.0	6.5	6.5	6.5	6.0	6.0	6.3	7.5	Bảy phẩy Năm		
50	162233581	Lê Hoàng Việt Thắng	K16KTR2	8.9	7.1	5.5	6.2	6.5	6.0	6.0	6.0	7.0	Bảy		
51	162233606	Phạm Thị Lam Thuyền	K16KTR2	9.0	6.5	6.8	7.4	7.7	7.0	7.5	7.3	7.5	Bảy phẩy Năm		
52	162233614	Vũ Văn Tĩnh	K16KTR2	7.2	7.5	7.5	6.9	6.9	6.5	7.5	7.1	7.2	Bảy phẩy Hai		
53	162233492	Trần Việt Hoàn	K16KTR2	9.0	6.5	8.7	8.2	8.2	7.7	8.0	8.2	8.0	Tám		
54	162233620	Huỳnh Thị Thùy Trang	K16KTR2	9.5	8.5	8.0	8.7	8.5	8.0	9.0	8.4	8.7	Tám phẩy Bảy		
55	162233495	Nguyễn Tri Bảo Hoàng	K16KTR4	8.8	7.0	8.5	9.0	8.5	8.5	8.8	8.7	8.3	Tám phẩy Ba		
56	162233505	Nguyễn Khánh Hưng	K16KTR3	9.0	8.3	8.0	8.4	8.2	8.5	8.5	8.3	8.5	Tám phẩy Năm		
57	162234867	Lê Đình Long	K16KTR4	8.5	7.5	7.5	7.9	7.9	8.5	8.0	8.0	8.0	Tám		
58	162233576	Lộ Thanh Tâm	K16KTR3	8.1	8.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.0	6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
59	152233035	Đặng Quang Trường	K16KTR4	6.5	5.4	5.5	5.5	6.0	5.5	6.0	5.7	5.8	Năm phẩy Tám		
60	162233455	Nguyễn Hoàng Quốc Cường	K16KTR2	8.0	8.0	7.6	8.2	8.0	7.7	8.0	7.9	8.0	Tám		
61	142231390	Nguyễn Ngọc Duy	K15KTR3	8.0	7.8	7.0	7.0	7.3	7.0	7.5	7.2	7.6	Bảy phẩy Sáu		
62	152233019	Ngô Thị Giang	K16KTR3	9.0	7.0	7.6	7.6	7.4	7.5	7.5	7.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
63	162233479	Nguyễn Thị Thuý Hằng	K16KTR1	8.7	8.0	7.8	7.8	7.8	7.7	7.5	7.7	8.0	Tám		
64	162233482	Nguyễn Nhật Hậu	K16KTR4	7.5	7.7	7.0	7.3	6.8	7.3	6.5	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba		
65	152232979	Hoàng Đình Hùng	K15KTR4	8.0	7.8	6.0	5.5	5.7	6.0	6.0	5.8	6.9	Sáu phẩy Chín		
66	142231469	Nguyễn Thế Kiên	K15KTR5	8.8	6.5	6.0	6.5	6.8	6.8	6.0	6.4	7.0	Bảy		
67	162233523	Lê Thị Thuý Liên	K16KTR2	9.5	9.0	9.0	9.5	9.1	9.0	9.5	9.2	9.2	Chín phẩy Hai		
68	162233537	Phạm Hồng Minh	K16KTR3	8.5	8.8	7.5	8.0	7.4	7.9	8.0	7.8	8.2	Tám phẩy Hai		
69	162233544	Đặng Thị Kim Nga	K16KTR2	9.0	7.0	7.8	8.5	7.8	7.8	8.0	8.0	8.0	Tám		
70	162233545	Lê Mỹ Ngân	K16KTR3	8.0	9.0	7.9	7.8	7.7	7.7	7.0	7.6	8.1	Tám phẩy Một		
71	162233553	Hồ Văn Nhân	K16KTR3	8.5	7.0	7.2	6.8	7.1	7.0	6.0	6.8	7.3	Bảy phẩy Ba		
72	152232945	Đào Hải Ninh	K15KTR4	7.5	8.4	7.5	7.5	7.6	7.9	7.5	7.6	7.8	Bảy phẩy Tám		
73	162233557	Phạm Châu Phong	K16KTR3	8.5	8.2	7.9	8.5	8.2	8.0	8.0	8.1	8.2	Tám phẩy Hai		
74	162233539	Nguyễn Tấn Mỹ	K16KTR4	8.0	8.0	7.8	7.8	7.7	7.8	8.5	7.9	8.0	Tám		
75	162233559	Nguyễn Duy Phúc	K16KTR1	9.2	8.0	7.6	8.3	8.1	7.5	7.0	7.7	8.2	Tám phẩy Hai		
76	162233561	Dương Phú Phước	K16KTR2	8.9	7.8	7.6	7.5	7.8	7.8	7.0	7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
77	162233568	Ngô Đình Quế	K16KTR3	8.5	7.8	6.0	7.0	7.4	7.0	6.0	6.7	7.4	Bảy phẩy Bốn		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH				ĐIỂM BẢO VỆ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP NGÀNH: KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH											
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GVHD	GVPB	ĐIỂM CỦA CÁC THÀNH VIÊN							TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				25	25	CT	TK	UV1	UV2	UV3	50	SỐ	CHỮ		
78	162233597	Nguyễn Đình Thông	K16KTR1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
79	162233584	Nguyễn Thị Phương Thanh	K16KTR2	9.0	8.6	9.0	8.5	8.6	8.0	8.0	8.4	8.6	Tám phẩy Sáu		
80	162233585	Hoàng Minh Thanh	K16KTR3	8.5	8.1	8.5	8.6	8.6	7.5	8.0	8.2	8.3	Tám phẩy Ba		
81	162236835	Nguyễn Chí Duy Thành	K16KTR3	8.5	8.0	7.9	7.5	7.5	6.8	6.5	7.2	7.7	Bảy phẩy Bảy		
82	162233623	Nguyễn Quang Trí	K16KTR4	9.5	9.0	8.0	9.0	8.9	8.2	8.5	8.5	8.9	Tám phẩy Chín		
83	152232986	Nguyễn Đình Trực	K16KTR4	8.9	6.7	6.9	6.8	6.8	7.0	6.5	6.8	7.3	Bảy phẩy Ba		
84	162233627	Nguyễn Bảo Trung	K16KTR1	9.0	8.5	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.2	8.0	Tám		
85	162233626	Hà Xuân Trung	K16KTR3	8.7	7.5	7.4	8.5	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	Tám		
86	132234928	Lương Vi Trung	K16KTR4	8.0	9.0	8.2	8.2	9.1	8.2	8.5	8.4	8.5	Tám phẩy Năm		
87	162236434	Trần Quang Tư	K16KTR1	8.5	8.0	7.9	7.9	7.8	7.5	8.0	7.8	8.0	Tám		
88	162233493	Đặng Minh Hoàng	K16KTR4	2.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
89	162233579	Nguyễn Văn Tây	K16KTR1	1.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
90	152232861	Lê Thị Kim Phúc	K15KTR3	2.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
91	162233472	Ngô Hải	K16KTR3	7.8	8.5	7.2	7.7	8.2	7.0	8.4	7.7	7.9	Bảy phẩy Chín		
92	152232916	Trần Trung Thiên	K15KTR3	8.0	6.7	7.3	7.5	7.4	7.0	8.0	7.4	7.4	Bảy phẩy Bốn		
93	152232889	Đào Ngọc Quang	K15KTR3	7.0	8.2	7.6	6.9	8.4	6.9	8.2	7.6	7.6	Bảy phẩy Sáu		
94	162233508	Trần Kim Huy	K16KTR5	7.9	6.4	5.0	5.5	5.5	5.0	5.5	5.3	0.0	Không		
95	162233441	Phan Tuấn Anh	K16KTR3	9.0	8.0	7.7	8.3	8.8	7.5	9.0	8.3	8.4	Tám phẩy Bốn		
96	152233065	Phan Trần Anh	K16KTR5	8.5	7.2	6.6	6.5	8.0	6.2	7.5	7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn		
97	152232936	La Đức Anh	K15KTR1	8.5	8.5	6.4	6.3	7.0	6.5	7.0	6.6	7.6	Bảy phẩy Sáu		
98	152232801	Võ Dũng	K16KTR5	8.0	6.5	7.2	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	7.2	Bảy phẩy Hai		
99	162233483	Nguyễn Hậu	K16KTR1	9.2	8.2	8.0	8.4	8.5	8.5	8.3	8.3	8.5	Tám phẩy Năm		
100	152232857	Huỳnh Việt Hưng	K15KTR2	8.0	8.5	7.9	8.0	8.5	7.4	8.3	8.0	8.1	Tám phẩy Một		
101	162233511	Đinh Quốc Huy	K16KTR2	8.6	8.0	7.6	6.6	8.3	6.6	8.0	7.4	7.9	Bảy phẩy Chín		
102	152233048	Văn Hữu Khanh	K15KTR5	7.5	7.8	7.4	6.5	7.8	6.1	7.3	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba		
103	162233525	Nguyễn Quang Lĩnh	K16KTR3	8.5	7.0	5.5	5.6	6.0	6.0	5.5	5.7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
104	162233528	Trần Lợi	K16KTR2	9.8	7.5	8.0	8.5	8.7	8.3	8.7	8.4	8.5	Tám phẩy Năm		
105	162237347	Hồ Thị Minh Phương	K16KTR5	9.3	7.0	7.8	8.2	8.2	8.2	8.3	8.1	8.1	Tám phẩy Một		
106	162237421	Lê Xuân Quyền	K16KTR4	9.2	8.8	8.4	8.4	8.7	8.2	8.4	8.4	8.7	Tám phẩy Bảy		
107	162233583	Trần Phước Thanh	K16KTR4	9.0	9.5	8.0	8.5	8.9	8.0	8.5	8.4	8.8	Tám phẩy Tám		
108	162233599	Nguyễn Thị Thuận	K16KTR5	9.0	8.2	7.6	8.2	8.5	7.2	8.1	7.9	8.3	Tám phẩy Ba		
109	162237617	Phạm Tiến Trung	K16KTR2	8.8	6.0	4.2	5.5	5.5	5.0	5.4	5.1	0.0	Không		
110	162233630	Nguyễn Vĩnh Tuấn	K16KTR3	9.0	8.5	8.2	8.5	9.0	7.9	8.5	8.4	8.6	Tám phẩy Sáu		
111	152232981	Nguyễn Minh Tuấn	K15KTR4	8.0	8.2	8.0	7.4	8.6	7.0	7.9	7.8	8.0	Tám		
112	152232933	Hồ Thanh Tuấn	K16KTR2	8.0	8.3	7.6	7.6	7.9	7.7	7.8	7.7	7.9	Bảy phẩy Chín		
113	162233632	Nguyễn Thanh Tuấn	K16KTR4	7.0	4.5	5.5	5.5	6.2	6.0	5.7	5.8	5.8	Năm phẩy Tám		
114	162237005	Trương Xuân Vinh	K16KTR3	7.0	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.3	8.1	7.9	Bảy phẩy Chín		
115	162233644	Phan Bá Vương	K16KTR3	8.5	8.2	7.6	7.5	8.5	7.5	7.8	7.8	8.1	Tám phẩy Một		
116	152235536	Đinh Ngọc Hiền Vy	K15KTR2	7.8	7.6	7.6	7.3	8.5	7.0	7.0	7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH				ĐIỂM BẢO VỆ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP NGÀNH: KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH											
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GVHD	GVPB	ĐIỂM CỦA CÁC THÀNH VIÊN							TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				25	25	CT	TK	UV1	UV2	UV3	50	SỐ	CHỮ		
117	162233602	Đinh Lý Hoài	Thương	K16KTR2	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
118	152233050	Lê Tấn	Trúc	K15KTR4	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
119	162233468	Lê Nguyễn Hạnh	Duyên	K16KTR2	5.5	7.5	5.5	6.5	6.0	7.0	5.5	6.1	6.3	Sáu phẩy Ba	
120	162233532	Võ Gia	Lưu	K16KTR5	8.9	7.0	6.3	6.5	7.0	6.6	6.0	6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
121	142231439	Đặng Tất	Thành	K15KTR1	5.5	6.8	3.0	4.5	3.5	5.0	4.0	4.0	0.0	Không	
122	162233435	Võ Ngọc Quỳnh	Anh	K16KTR5	8.8	7.5	7.5	7.5	7.5	8.0	7.5	7.6	7.9	Bảy phẩy Chín	
123	162233601	Hoàng Thị Hoài	Thương	K16KTR3	7.9	7.5	7.0	7.5	7.0	6.5	7.5	7.1	7.4	Bảy phẩy Bốn	
124	162233500	Võ Thị	Huệ	K16KTR5	8.3	7.3	7.0	7.8	7.5	7.2	7.0	7.3	7.6	Bảy phẩy Sáu	
125	162233462	Phạm	Đạt	K16KTR3	8.5	7.5	8.8	8.0	8.5	7.5	8.0	8.2	8.1	Tám phẩy Một	
126	152232825	Đoàn Văn	Hiếu	K15KTR2	8.2	7.8	7.0	7.2	6.2	7.2	8.0	7.1	7.6	Bảy phẩy Sáu	
127	152235533	Hoàng Trọng	Huy	K15KTR3	8.0	8.4	7.2	7.5	7.0	7.5	7.5	7.3	7.8	Bảy phẩy Tám	
128	162233541	Nguyễn Lê	Na	K16KTR4	8.9	8.8	8.2	8.2	8.0	8.0	8.0	8.1	8.5	Tám phẩy Năm	
129	162233517	Lưu Tổng Đăng	Khoa	K16KTR5	9.5	8.3	9.0	8.7	9.0	8.8	8.8	8.9	8.9	Tám phẩy Chín	
130	162236640	Đặng Quang	Luận	K16KTR1	5.5	5.5	5.0	6.0	6.0	5.4	5.0	5.5	5.5	Năm phẩy Năm	
131	152232802	Phan Hữu	Minh	K15KTR2	7.8	9.0	8.0	7.5	7.5	8.0	8.0	7.8	8.1	Tám phẩy Một	
132	162233562	Trương Thị Thuý	Phương	K16KTR2	7.7	7.6	6.6	7.0	6.5	7.2	7.5	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
133	152232025	Phạm Văn	Sơn	K15KTR2	7.5	7.0	6.0	6.5	5.5	6.6	6.5	6.2	6.7	Sáu phẩy Bảy	
134	162233587	Ngô Việt	Thanh	K16KTR3	8.0	6.0	6.0	6.5	6.0	6.6	6.0	6.2	6.6	Sáu phẩy Sáu	
135	162233588	Nguyễn Việt	Thành	K16KTR4	8.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	7.5	7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
136	162233598	Lê Ngọc	Thu	K16KTR3	8.6	7.7	8.0	8.0	7.0	8.2	8.0	7.8	8.0	Tám	
137	162233603	Phạm Thương	Thương	K16KTR4	8.8	8.8	6.5	7.0	7.0	7.5	6.7	6.9	7.9	Bảy phẩy Chín	
138	162236642	Nguyễn Thị Thanh	Thuý	K16KTR5	8.6	9.0	7.0	7.5	7.0	7.2	7.0	7.1	8.0	Tám	
139	162233611	Trần Ngọc	Tiến	K16KTR4	8.0	8.3	5.5	6.0	5.5	6.0	5.5	5.7	6.9	Sáu phẩy Chín	
140	162233608	Nguyễn Nam	Tiến	K16KTR2	8.8	6.0	7.8	7.8	7.0	7.5	7.5	7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
141	162236644	Cao Đặng Huyền	Trang	K16KTR2	8.5	7.3	7.0	7.5	7.0	7.7	7.0	7.2	7.6	Bảy phẩy Sáu	
142	162233621	Nguyễn Thế Bích	Trang	K16KTR4	9.0	7.5	7.5	7.5	7.5	7.7	7.8	7.6	7.9	Bảy phẩy Chín	
143	142231447	Nguyễn Ngọc	Trí	K15KTR5	7.5	8.3	6.6	7.2	7.0	7.8	7.0	7.1	7.5	Bảy phẩy Năm	
144	152232849	Trần Viết Lê Hoàng	Việt	K15KTR2	8.5	8.0	8.0	7.8	7.5	7.8	7.8	7.8	8.0	Tám	
145	162233638	Phạm Bá	Vinh	K16KTR1	8.0	8.4	7.0	7.5	7.0	7.8	7.0	7.3	7.8	Bảy phẩy Tám	
146	142231407	Trần Duy	Linh	K15KTR5	3.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
147	162233444	Phùng Quốc	Bảo	K16KTR4	5.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
148	162233473	Trương Viết Minh	Hải	K16KTR1	2.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
149	162233547	Trương Công	Ngô	K16KTR1	8.0	7.0	7.5	7.4	7.3	7.2	7.2	7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn	
150	152232989	Lê Thị Ái	Nhung	K15KTR2	8.0	7.5	7.5	7.2	7.5	7.5	7.7	7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
151	152236324	Nguyễn Đình	Phúc	K15KTR1	8.4	8.5	8.0	7.4	7.3	7.2	7.2	7.4	7.9	Bảy phẩy Chín	
152	152232995	Nguyễn Xuân	Trường	K15KTR2	7.2	5.0	6.5	6.5	6.8	7.5	6.3	6.7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
153	152232807	Nguyễn Văn Việt	Chương	K15KTR2	8.2	6.5	7.5	7.5	8.1	7.0	8.5	7.7	7.5	Bảy phẩy Năm	
154	162233466	Nguyễn Thị Hương	Dương	K16KTR3	7.8	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
155	162233501	Cao Mạnh	Hùng	K16KTR3	8.8	8.5	8.5	8.0	8.3	8.0	8.5	8.3	8.5	Tám phẩy Năm	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GVHD	GVPB	ĐIỂM CỦA CÁC THÀNH VIÊN							TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				25	25	CT	TK	UV1	UV2	UV3	50	SỐ	CHỮ		
156	152233038	Nguyễn Đình Huy	K15KTR4	9.0	8.0	8.5	8.0	7.8	8.3	8.0	8.1	8.3	Tám phẩy Ba		
157	152232973	Trần Khánh Linh	K15KTR1	8.0	7.5	7.0	8.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
158	152232958	Phạm Khắc Long	K15KTR4	7.2	8.1	8.0	7.8	7.8	7.8	7.5	7.8	7.7	Bảy phẩy Bảy		
159	152233033	Thân Ngọc Long	K15KTR1	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.1	Tám phẩy Một		
160	142234512	Lê Hoàng Long	K14KTR1	9.2	7.5	7.5	8.0	8.3	8.0	8.5	8.1	8.2	Tám phẩy Hai		
161	152236325	Tô Hữu Phước	K15KTR2	9.0	8.6	6.5	7.2	7.5	8.0	7.0	7.2	8.0	Tám		
162	152232944	Nguyễn Tổng Phương	K15KTR4	9.0	8.4	7.0	7.5	7.5	7.5	7.0	7.3	8.0	Tám		
163	152232885	Nguyễn Đức Lê Thanh Sang	K15KTR3	6.0	2.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không		
164	162233593	Trần Thị Thanh Thảo	K16KTR3	6.5	8.0	7.5	7.7	7.0	7.8	8.5	7.7	7.5	Bảy phẩy Năm		
165	162233615	Lê Thanh Tịnh	K16KTR3	9.3	8.0	8.5	8.5	8.5	8.5	9.0	8.6	8.6	Tám phẩy Sáu		
166	162233619	Cao Xuân Toàn	K16KTR1	8.5	7.9	9.0	8.0	8.0	8.0	8.5	8.3	8.3	Tám phẩy Ba		
167	152233014	Trần Phúc Toàn	K15KTR4	8.4	7.0	7.5	8.0	7.5	7.5	7.5	7.6	7.7	Bảy phẩy Bảy		
168	162233616	Nguyễn Nho Toàn	K16KTR3	7.7	7.2	7.5	7.5	7.5	8.0	8.0	7.7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
169	162233622	Phạm Quốc Trí	K16KTR4	9.0	8.5	9.5	9.5	9.0	9.0	9.0	9.2	9.0	Chín		
170	152232820	Trần Bá Trình	K16KTR4	9.0	9.0	8.0	8.3	7.5	8.0	8.5	8.1	8.6	Tám phẩy Sáu		
171	162233628	Thái Lâm Trường	K16KTR2	8.5	8.0	9.5	9.0	9.0	9.0	9.5	9.2	8.7	Tám phẩy Bảy		
172	162233634	Trịnh Thanh Tùng	K16KTR1	7.9	8.0	7.0	7.5	7.5	7.5	7.0	7.3	7.6	Bảy phẩy Sáu		
173	152232932	Nguyễn Sơn Tùng	K15KTR4	8.7	8.5	8.0	8.0	7.5	8.0	8.0	7.9	8.3	Tám phẩy Ba		
174	132234938	Phạm Văn	K15KTR3	8.0	7.6	6.0	7.0	6.5	7.0	7.5	6.8	7.3	Bảy phẩy Ba		
175	152232991	Huỳnh Rô Y	K15KTR4	9.1	8.0	8.5	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.3	Tám phẩy Ba		
176	152232934	Phạm Thị Hồng Yến	K15KTR2	8.0	8.4	7.0	7.5	7.5	8.0	8.0	7.6	7.9	Bảy phẩy Chín		
177	162233591	Hà Công Thành	K16KTR1	5.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không		
178	122230585	Lãnh Quốc Huy	K12KTR3	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không		

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

Đà Nẵng , 01 / 06 / 2015
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH